

**TAND HUYỆN LG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2023/DS-ST

Ngày 12-9-2023

V/v tranh chấp kiện đòi tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Vinh

Ông Chu Quốc Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện LG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LG, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Vi Đức Thứ- Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LG tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 90/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2023 về “Tranh chấp kiện đòi tài sản” theo Q định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị NGH, sinh năm 1962 (có mặt)

Trú tại: Thôn N, xã TH1, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1995 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã HĐ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

- *Bị đơn:* Anh Thân Văn K, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn NT, xã HL, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

-Người có quyền lợi NGH vụ liên quan: Chị Đỗ Thị L2, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã TH1, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị NGH trình bày:* Năm 2010 bà Nguyễn Thị NGH có cho anh Thân Văn K và chị Đỗ Thị L2 vay 10 chỉ vàng SJC 9999; năm 2015 bà cho anh K, chị

L2 cho vay tiếp số tiền là 20.000.000 đồng; năm 2017 bà cho anh K chị L2 vay tiếp số tiền là 26.000.000 đồng và tháng 5/2019 bà cho anh K và chị L2 cho vay tiếp hai chỉ vàng SJC, tổng cộng bốn lần vay là **12** chỉ vàng SJC 9999 và **46.000.000** đồng, khi cho vay hai bên chỉ nói miệng, không lập văn bản giấy tờ gì, không thỏa thuận về lãi suất, anh K và chị L2 hẹn khi nào có sẽ trả bà số vàng và tiền vay trên.

Đầu tháng 4/2021 anh K và chị L2 ly hôn, bà đã yêu cầu anh K và chị L2 trả vàng và tiền cho bà nhưng anh K và chị L2 chưa có trả. Bà được biết ngày 22/4/2021 giữa anh K và chị L2 có lập biên bản thỏa thuận về việc phân chia tài sản, nuôi con và giải Q các khoản nợ chung, nội dung biên bản thỏa thuận anh K nhận có trách nhiệm trả nợ cho bà **12** chỉ vàng và **46.000.000** đồng và hẹn chậm nhất vào ngày 20/8/2022 sẽ trả cho bà NGH số vàng và tiền trên. Kể từ đó bà cũng không đến gặp và yêu cầu anh K viết giấy nhận nợ, việc thỏa thuận giữa anh K và chị L2 sau này khi anh chị ly hôn xong chị L2 về gia đình bà ở lúc đó được xem giấy bà mới được biết và đồng ý với việc thỏa thuận này của anh K và chị L2. Kể từ sau khi anh K, chị L2 thỏa thuận đến nay anh K không thực hiện NGH vụ trả nợ vàng và tiền cho bà. Nay bà yêu cầu anh Thân Văn K phải có trách nhiệm trả bà **12** chỉ vàng SJC 9999 và số tiền nợ **46.000.000** đồng.

Tại phiên tòa bà NGH bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị HĐXX giải Q buộc anh K phải trả bà tiền lãi của khoản tiền vay là 46.000.000 đồng kể từ ngày 21/8/2022 đến ngày xét xử số tiền lãi là 4.894.000 đồng và đề nghị tính lãi tiếp theo kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi anh K trả xong khoản nợ trên.

Tại phiên tòa bà NGH trình bày quan điểm bổ sung trường hợp Tòa án xác định khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa chị L2 và anh K thì bà cũng không yêu cầu chị Đỗ Thị L2 phải cùng có trách nhiệm trả khoản nợ này với anh K vì khi chị L2 và anh K ly hôn, chị L2 về gia đình bà sống đã để lại toàn bộ tài sản chung là nhà và xe ô tô cho anh K quản lý sử dụng nên bà chỉ đòi anh K phải có trách nhiệm trả khoản nợ 12 chỉ vàng SJC 9999 và số tiền 46.000.000 đồng cho bà, bà không đề nghị Tòa án xem xét giải Q phần NGH vụ trả nợ của chị Đỗ Thị L2 trong vụ án này.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn Q đại diện theo ủy quyền của của bà Nguyễn Thị NGH vẫn giữ nguyên quan điểm trên và đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị NGH.

**Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo bị đơn anh Thân Văn K trình bày:*
Lời khai của bà NGH trình bày về các lần vay tiền và vay vàng như trong đơn khởi kiện và bản tự khai là không đúng. Việc bà NGH trình bày tháng 4/2021 khi anh và chị L2 ly hôn bà NGH có đòi số vàng và tiền này là không đúng. Văn bản thỏa thuận ngày 22/4/2021 giữa anh và chị Đỗ Thị L2 được lập nội dung như thế

nào anh không được biết, giữa anh và chị L2 cũng không có thỏa thuận nào về việc phân chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng. Tại Q định công nhận thuận tình ly hôn số 98/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện LG chưa giải Q về tài sản chung, NGH vụ chung về tài sản. Các nội dung trong văn bản thỏa thuận ngày 22/4/2021 ghi theo ý của chị L2, anh không được biết và không được thống nhất đồng ý trong văn bản này, đến khi bà NGH có đơn khởi kiện được Tòa án thông báo anh mới biết đến biên bản thỏa thuận việc phân chia nợ chung này. Anh xác định phần chữ ký bên chồng phần cuối văn bản thỏa thuận này là chữ viết chữ ký của anh nhưng nguồn gốc có văn bản này và nội dung thỏa thuận ghi trong văn bản thì anh không được biết. Anh khẳng định không vay vàng và tiền của bà NGH, còn việc chị L2 có vay hay không anh không được biết. Nay bà NGH khởi kiện yêu cầu anh phải trả cho bà NGH 12 chỉ vàng SJC9999 và 46.000.000 đồng quan điểm của anh không vay số vàng và tiền này, anh không đồng ý trả. Trường hợp chị L2 vay số vàng và tiền này trong thời kỳ hôn nhân thì chị L2 phải một mình có trách nhiệm trả bà NGH số vàng và tiền trên. Đối với biên bản thỏa thuận chia tài sản chung ngày 22/4/2021 anh hoàn toàn không biết và không đồng ý với toàn bộ nội dung các điều khoản đã thỏa thuận trong văn bản này và theo anh nó không có giá trị pháp lý bởi vì bản thân anh không được tự nguyện thỏa thuận trong văn bản này.

Tại phiên tòa anh Thân Văn K vẫn giữ nguyên quan điểm trên.

**Tại bản tự khai người có quyền lợi NGH vụ liên quan chị Đỗ Thị L2 trình bày:* Chị và anh Thân Văn K kết hôn năm 2007, đến năm 2021 anh chị ly hôn và có lập văn bản thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung ngày 22/4/2021 giữa chị và anh K đã có sự thống nhất tự nguyện thỏa thuận trong văn bản này và hai bên cùng nhất trí ký tên vào văn bản thỏa thuận.

Trong thời gian chị và anh K chung sống năm 2010 chị và anh K đã thống nhất đi vay bà Nguyễn Thị NGH là mẹ đẻ của chị 10 chỉ vàng SJC 9999 để thêm vào mua xe ô tô THACOOLLIN cho anh K chạy hàng thuê. Năm 2015 chị và anh K có vay tiếp của bà NGH 20.000.000 đồng để trả nợ Ngân hàng, vì vợ chồng mua xe ô tô trả góp còn thiếu. Năm 2017 anh K có xuống nhà bà NGH vay tiếp số tiền 26.000.000 đồng để sửa thùng xe và làm vốn để đi chở hàng thuê. Tháng 5/2019 chị và anh K có xuống vay tiếp của bà NGH 02 chỉ vàng SJC 9999 để làm vốn làm ăn. Tổng bốn lần vay của bà NGH là 12 chỉ vàng SJC 9999 và số tiền 46.000.000 đồng, do vay của mẹ đẻ chị nên không viết giấy tờ, anh K có hứa sẽ trả lại cho mẹ chị khi cần.

Khi vay hai bên thống nhất ghi vào một quyển sổ nợ theo dõi riêng của bà NGH tự ghi và khi nào có kinh tế khá hơn thì trả mẹ chị số tiền và vàng đã vay. Ngoài ra chị và anh K còn vay mượn của nhiều người thân khác trong gia đình

chị nhưng đã thanh toán xong. Khi chị và anh K ly hôn tháng 4/2021 chị và anh K có thỏa thuận liệt kê hết tất cả các khoản nợ còn lại để hai bên thống nhất thỏa thuận. Anh K đã có ý kiến nhận hết các khoản nợ còn lại gồm tiền vàng vay của bà NGH, chị Cúc và các khoản vay nợ Ngân hàng Liên Việt và khoản vay để lấy xe ô tô 07 tấn biển kiểm soát 98H-00193. Hai bên đã thống nhất thỏa thuận anh K có nhận vay của bà Nguyễn Thị NGH 12 chỉ vàng SJC 9999 và 46.000.000 đồng; vay của chị Hà Thị Cúc 03 chỉ vàng SJC 9999, trong biên bản có ghi rõ các tài sản và khoản nợ anh K đã ký. Sau khi ly hôn chị và con trai thứ hai đã về nhà mẹ đẻ ở, các thỏa thuận về tài sản còn nợ như nợ Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt, nợ Ngân hàng Tiên Phong Bank, phần nợ của chị Cúc và bà NGH anh K đã nhận trả.

Đến tháng 8/2022 chị yêu cầu anh K thực hiện trả nợ cho bà NGH như đã thỏa thuận nhưng anh K không thực hiện. Chị có nhiều lần nhắc anh K thực hiện cam kết đã thỏa thuận, nhưng anh K đều phủ nhận, còn có hành vi đe dọa, xúc phạm chị nhiều lần. Đến thời gian gần đây anh K không trả nợ Ngân hàng nên đã gây ảnh hưởng đến cuộc sống riêng của chị.

Nay chị đề nghị Tòa án chấp nhận thỏa thuận ngày 22/4/2021 giữa chị và anh Thân Văn K, buộc anh Thân Văn K có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị NGH số vàng và tiền nêu trên. Nếu trong trường hợp Tòa án buộc chị và anh K phải liên đới chịu trách nhiệm trả khoản nợ chung nêu trên chị đề nghị anh K phải chia các tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân. Chị sẽ chấp nhận cùng chịu trách nhiệm trả chung các khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa chị và anh K.

Tại phiên tòa người có quyền lợi NGH vụ liên quan chị Đỗ Thị L2 vẫn giữ nguyên quan điểm trên.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LG tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:* Quá trình giải Q vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa HĐXX sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và NGH vụ của mình.

Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 164, Điều 166, Điều 280, Điều 287, Điều 288, Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 26 của Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị Q quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị NGH.

Buộc anh Thân Văn K phải có NGH vụ trả cho bà Nguyễn Thị NGH **06** chỉ vàng SJC 9999 tương đương với số tiền là **34.290.000** đồng và **23.000.000** đồng. Tổng cộng là **57.290.000** đồng.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất giải Q về NGH vụ chậm trả tiền, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền*: Ngày 12/6/2023, Tòa án nhân dân huyện LG thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện tranh chấp kiện đòi tài sản của bà Nguyễn Thị NGH với bị đơn anh Thân Văn K có địa chỉ tại thôn NT, xã HL, huyện LG là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải Q vụ án tuân theo đúng trình tự thủ tục quy định của BLTTDS, tại phiên tòa các đương sự đều có mặt. HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và các tài liệu do bà Nguyễn Thị NGH cung cấp thì thấy từ năm 2010 đến tháng 5/2019 bà Nguyễn Thị NGH có cho và anh Thân Văn K và chị Đỗ Thị L2 vay bốn lần vàng và tiền tổng cộng **12** chỉ vàng SJC 9999 tương đương với số tiền là 68.580.000 đồng và số tiền 46.000.000 đồng. Khi cho vay hai bên thỏa thuận miệng, không viết giấy tờ biên nhận. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp liên quan đến số vàng và tiền trên là tranh chấp kiện đòi tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 164, Điều 166, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung*: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị NGH, HĐXX xét thấy: Trong thời gian từ năm 2010 đến tháng 5/2019 bà Nguyễn Thị NGH trình bày bà có cho và anh Thân Văn K và chị Đỗ Thị L2 vay bốn lần vàng và tiền tổng cộng **12** chỉ vàng SJC 9999 và số tiền 46.000.000 đồng. Do là chỗ mẹ con khi cho vay không viết giấy tờ, hai bên chỉ thỏa thuận miệng khi nào bà NGH cần yêu cầu anh K và chị L2 sẽ trả số vàng và tiền cho bà NGH. Nay bà NGH khởi kiện yêu cầu anh Thân Văn K phải trả bà **12** chỉ vàng SJC 9999 và số tiền 46.000.000 đồng đã vay trên.

Quá trình giải Q vụ án phía chị L2 thừa nhận quá trình vay vàng và tiền của bà NGH Là đúng và yêu cầu anh K phải có trách nhiệm trả bà NGH số vàng và tiền đã vay trên, phía anh K không thừa nhận có việc vay số tiền và vàng nêu trên

của bà NGH và không đồng ý trả khoản nợ này. Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bên qua quá trình đối chất tại phiên tòa có cơ sở khẳng định trong thời gian từ năm 2010 đến tháng 5/2019 bà Nguyễn Thị NGH có cho và anh Thân Văn K và chị Đỗ Thị L2 vay bốn lần vàng và tiền tổng cộng **12** chỉ vàng SJC 9999 và số tiền 46.000.000 đồng khi cho vay do là chỗ mẹ con nên không viết giấy tờ biên nhận. HĐXX xét thấy giao dịch dân sự hợp đồng miệng giữa hai bên xác lập hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 116 của Bộ luật dân sự năm 2015. Khi tham gia giao dịch dân sự bà NGH, anh K và chị L2 đều có đủ năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội, người tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Kể từ khi vay vàng và tiền xong đến ngày 22/4/2021 chị L2 và anh K ly hôn, hai bên có lập văn bản thỏa thuận giao toàn bộ tài sản chung của vợ chồng cho anh K quản lý sử dụng và anh K có trách nhiệm trả toàn bộ các khoản nợ chung của vợ chồng bao gồm cả khoản nợ **12** chỉ vàng và số tiền **46.000.000** đồng đối với bà Nguyễn Thị NGH thể hiện bằng chữ viết và chữ ký của anh Thân Văn K tại phần chữ ký bên chồng phần cuối văn bản thỏa thuận. Có căn cứ khẳng định việc bà NGH có cho chị L2 và anh K vay vàng và tiền là đúng nên bà NGH khởi kiện yêu cầu anh Thân Văn K phải có trách nhiệm trả cho bà NGH **12** chỉ vàng SJC 9999 giá tại thời điểm xét xử là **5.715.000** đồng/1 chỉ tương đương với số tiền là **68.580.000** đồng, và số tiền mặt là **46.000.000** đồng còn nợ. Tổng cộng là **114.580.000** đồng là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 164, Điều 166, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 cần chấp nhận.

Về trách nhiệm trả tiền:* Xét thấy khoản vay **12 chỉ vàng SJC 9999 và số tiền 46.000.000 đồng của chị Đỗ Thị L2 và anh Thân Văn K với bà Nguyễn Thị NGH từ năm 2010 đến tháng 5/2019 phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa chị L2 và anh K, quá trình giải Q vụ án chị L2 trình bày vay vàng để mua xe ô tô, trả nợ Ngân hàng cũng như làm vốn để phát triển kinh tế chung trong gia đình. Nay phía chị L2 yêu cầu anh K có trách nhiệm một mình trả nợ chung cho bà NGH vì các tài sản chung hai bên thỏa thuận giao cho anh K quản lý sử dụng. Phía anh K cho rằng không có khoản nợ này và anh không đồng ý một mình trả nợ số vàng đã mượn cho bà NGH hoặc cùng chị L2 trả nợ cho bà NGH. HĐXX xét thấy khoản vay tiền và vàng phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa chị L2 và anh K, mục đích vay vàng và tiền để mua xe ô tô, trả nợ Ngân hàng cũng như làm vốn để phát triển kinh tế chung trong gia đình, do vậy có căn cứ xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, mặt khác khi anh K và chị L2 ly hôn Tòa án chưa giải Q về tài sản chung, NGH vụ chung về tài sản giữa anh chị, nay phía anh K không đồng ý với nội dung trong Văn bản thỏa thuận lập ngày 22/4/2021

này. Do vậy cần buộc anh Thân và K và chị Đỗ Thị L2 cùng phải có trách nhiệm liên đới mỗi người phải trả $\frac{1}{2}$ khoản nợ chung là 12 chỉ vàng SJC 9999 tương đương với số tiền là 68.580.000 đồng và số tiền 46.000.000 đồng, tổng cộng là 114.580.000 đồng. Tương ứng mỗi người phải trả bà NGH số tiền là 57.290.000 đồng.

Tuy nhiên, quá trình giải Q vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị NGH chỉ có yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải Q buộc một mình anh K phải trả khoản nợ 12 chỉ vàng SJC 9999 tương đương với số tiền là 68.580.000 đồng và số tiền 46.000.000 đồng cho bà NGH và không đề nghị chị Đỗ Thị L2 cùng có trách nhiệm trả nợ, không đề nghị Tòa án giải Q phần NGH vụ trả nợ của chị Đỗ Thị L2 trong vụ án. Do vậy chỉ có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà NGH. Buộc anh K trả cho bà NGH **06** chỉ vàng SJC 9999 tương đương số tiền là **34.290.000** đồng và số tiền **23.000.000** đồng là phù hợp với Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 280; Điều 287; Điều 288 của Bộ luật dân sự 2015.

**Về tiền lãi:* Quá trình giải Q vụ án bà Nguyễn Thị NGH không yêu cầu tính tiền lãi, tại phiên tòa bà NGH trình bày bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị tính tiền lãi của khoản vay 46.000.000 đồng tính lãi từ ngày 21/8/2022 đến ngày xét xử số tiền lãi bà NGH yêu cầu anh K trả là 4.894.000 đồng. HĐXX xét thấy yêu cầu tính lãi của bà NGH là yêu cầu mới phát sinh tại phiên tòa chưa được xem xét trong quá trình giải Q vụ án, vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, do vậy HĐXX không xem xét giải Q trong vụ án này.

[3] *Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện NGH vụ trả tiền:* Kể từ ngày bản án, Q định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra Q định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[4] *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị Q quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị NGH là người cao tuổi có đơn xin miễn tiền án phí nên bà NGH không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với một phần yêu cầu khởi kiện không được Tòa án chấp nhận.

Buộc anh Thân Văn K phải chịu **2.864.500** đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[7] *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật

tổ tụng dân sự. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Về ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

Q ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 164, Điều 166, Điều 280, Điều 287, Điều 288, Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 26 của Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị Q quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận một phần cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị NGH.

Buộc anh Thân Văn K phải có NGH vụ trả bà Nguyễn Thị NGH **06** chỉ vàng SJC 9999 tương đương với số tiền là **34.290.000** đồng (Ba mươi tư triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng) và số tiền **23.000.000** đồng (Hai mươi ba triệu đồng). Tổng cộng là **57.290.000** đồng (Năm mươi bảy triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, Q định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra Q định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị NGH không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc anh Thân Văn K phải chịu **2.864.500** đồng (Hai triệu, tám trăm sáu mươi tư nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện LG;
- Chi cục THADS huyện LG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Quỳnh Hoa